TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 22 /2021/HNGĐ-ST Ngày: 14/4/2021 V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ.

Bà Lê Thị Kim Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2021 tại Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 587/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2021/QĐST – HNGĐ ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L T T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp XH, xã PH, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh H N L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp XH, xã PH, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Tcó mặt, Anh Lvắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2020, các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị L T T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H N L chung sống với nhau tự nguyện từ năm 1995 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P H, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 11/12/2003.

Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh Linh đã có người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Gia đình nhiều lần bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành do Anh Lkhông thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Tkhai vợ chồng có 02 con chung là cháu Hồ Thị Cẩm Vân, sinh ngày 07/3/1997 đã trưởng thành và cháu Hồ Nhật Đăng Khoa, sinh ngày 23/3/2004. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Khoa không yêu cầu Anh Lcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị Tkhai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Nợ chung: Chị Tkhai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

**** Bị đơn anh H N L đã được Tòa án tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời khai tại hồ sơ.***

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Lđã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt Anh Ltheo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tcho chị Tđược ly hôn với anh L. Giao con chung cháu Hồ Nhật Đăng Khoa, sinh ngày 23/3/2004 cho chị Tnuôi dưỡng, tạm thời Anh Lkhông cấp dưỡng nuôi con. Cháu Hồ Thị Cẩm Vân, sinh ngày 07/3/1997 đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung: đương sự khai không có không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét, nợ chung: không có nên không xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Những kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện ngày 03/9/2020 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị L T T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H N L và giải quyết về vấn đề con chung. Xét thấy chị T và Anh Lchung sống với nhau từ năm 1995 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P H, huyện Nhơn Trạch và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/12/2003 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Lđã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự nhưng Anh Lvẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt Anh Ltheo quy định.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và Anh L là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với Anh Lvà giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh L. Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do Anh L và chị Tím bất đồng quan điểm sống, Anh Lnhiều lần kiếm chuyện gây gỗ trong gia đình. Anh L và chị T không còn chăm lo cho nhau. Do vậy tình cảm vợ chồng không còn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay cho thấy cuộc sống ly thân kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Anh L nhưng Anh L không đồng ý đến Tòa án làm việc. Từ đó cho thấy, Anh L không mong muốn hàn gắn đoàn tụ với chị T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận nên cần xét xử cho chị Tđược ly hôn Anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Căn cứ vào tài liệu Tòa án thu thập được có tại hồ sơ và lời khai của đương sự xác định chị T và Anh L có 02 con chung là cháu Hồ Thị Cẩm Vân, sinh ngày 07/3/1997 đã trưởng thành nên không xem xét và cháu Hồ Nhật Đăng Khoa, sinh ngày 23/3/2004, hiện nay cháu Khoa đang sống với chị T, Cháu Khoa cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa chị T tiếp tục giữ nguyên yêu cầu về việc xin nuôi dưỡng cháu Khoa là phù hợp với nguyện vọng của cháu và không yêu cầu Anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị T về việc nuôi dưỡng cháu Khoa là có căn cứ chấp nhận nên giao cháu Khoa cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung. Chị T không yêu cầu Anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xét, tạm thời Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T khai không có không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 227, 264, 266, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 và Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L T T đối với bị đơn chị anh H N L về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

Xử: cho chị L T T được ly hôn với anh H N L.

- Về con chung: Cháu Hồ Thị Cẩm Vân, sinh ngày 07/3/1997 đã trưởng thành nên không xem xét. Giao con chung là cháu Hồ Nhật Đăng Khoa, sinh ngày 23/3/2004 cho chị L T T tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời Anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị L T T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Tđã nộp theo biên lai

thu 0000856 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Chị T đã nộp xong.

3. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Đình Hiền